SỬ DỤNG ÁTLÁT ĐỊA LÝ VIỆT NAM

I. CÁCH SỬ DUNG ATLAT

Để sử dụng Atlas trả lời các câu hỏi trong quá trình làm bài, cần lưu ý các vấn đề sau:

1. Nắm vững (nhớ)các *ký hiệu chung:*

HS cần nắm các ký hiệu chung, tự nhiên, nông nghiệp, công nghiệp, lâm ngư nghiệp...ở trang bìa đầu của quyển Atlas.

2. Nắm vững (nhớ) các *kí hiệu - ước hiệu* của bản đồ chuyên ngành:

Ví dụ:

-Nắm vững các ước hiệu **tên** từng loại mỏ, **trữ lượng** các loại mỏ khi sử dụng bản đồ khoáng sản.

-Biết sử dụng **màu sắc** (ước hiệu) vùng khí hậu để nêu ra các **đặc điểm** khí hậu của từng vùng khi xem xét bản đồ khí hậu…

-Nắm vững ước hiệu **mật độ dân số** khi tìm hiểu **phân bố dân cư** ở nước ta trên bản đồ Dân cư và dân tộc…

-Ước hiệu các **bãi tôm, bãi cá** khi sử dụng bản đồ ngư nghiệp...

3. Biết *khai thác biểu đồ* từng ngành:

3.1. Biểu đồ giá trị tổng sản lượng các ngành hoặc biểu đồ diện tích của các ngành trồng trọt:

Thông thường mỗi bản đồ ngành kinh tế đều có từ 1 đến 2 biểu đồ thể hiện sự tăng, giảm về giá trị tổng sản lượng, về diện tích (đối với các ngành nông lâm nghiệp) của các ngành kinh tế, biết cách khai thác các biểu đồ trong các bài có liên quan.

3.2.Biết cách sử dụng các biểu đồ hình tròn để tìm giá trị sản lượng từng ngành ở những địa phương tiêu biểu như:

-Giá trị sản lượng lâm nghiệp ở các địa phương (tỷ đồng).

-Giá trị sản lượng công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm (triệu đồng).

4. Biết rõ câu hỏi như thế nào, có thể dùng Atlas:

-Tất cả các câu hỏi có yêu cầu trình bày về phân bố sản xuất, hoặc có yêu cầu nói rõ ***ngành đó ở đâu, vì sao ở đó*** ? Trình bày về các trung tâm kinh tế…đều có thể dùng các trang Atlas để trả lời.

-Tất cả các câu hỏi có yêu cầu trình bày ***tình hình phát triển sản xuất,*** hoặc quá trình phát triển của ngành này hay ngành khác, đều ***có thể tìm thấy các số liệu ở các biểu đồ của Atlas,*** thay cho việc phải nhớ các số liệu trong SGK.

5. Biết sử dụng đủ Atlas cho 1 câu hỏi:

Trên cơ sở nội dung của câu hỏi, cần xem phải trả lời 1 vấn đề hay nhiều vấn đề, từ đó xác định những trang bản đồ Atlas cần thiết.

5.1. Những câu hỏi chỉ cần **sử dụng 1 bản đồ** *của Atlas như:*

-Hãy trình bày nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta:

+Khoáng sản năng lượng

+Các khoáng sản: kim loại

+Các khoáng sản: phi kim loại

+Khoáng sản: vật liệu xây dựng

Với câu hỏi trên chỉ sử dụng bản đồ:"Địa chất-khoáng sản" là đủ.

-Hãy nhận xét tình hình phân bố dân cư nước ta? Tình hình phân bố như vậy có ảnh hưởng gì đến quá trình phát triển kinh tế như thế nào? Trong trường hợp này, chỉ cần dùng 1 bản đồ "Dân cư".

5.2. Những câu hỏi **dùng nhiều trang bản đồ** *trong Atlas, để trả lời như:*

-Những câu hỏi đánh giá ***tiềm năng (thế mạnh) của 1 ngành*** như:

+ **Đánh giá tiềm năng của ngành công nghiệp** nói chung, không những chỉ sử dụng bản đồ địa hình để phân tích ảnh hưởng của địa hình, **dùng bản đồ khoáng sản** để thấy khả năng phát triển các ngành công nghiệp nặng, sử dụng **bản đồ dân cư** để thấy rõ lực lượng lao động, sử dụng **bản đồ nông nghiệp** để thấy tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông-lâm-ngư nói chung...

+ **Đánh giá tiềm năng (thế mạnh) để phát triển cây công nghiệp lâu năm** nước ta: Biết sử dụng **bản đồ địa hình** (lát cắt) phối hợp với ước hiệu các vùng **khí hậu** để thấy được những thuận lợi phát triển từng loại cây theo khí hậu (nhiệt đới, cận nhiệt đới) sử dụng bản đồ **Đất-thực vật và động vật**- thấy được 3 loại đất chủ yếu của 3 vùng; dùng bản đồ **Dân cư và dân tộc** - sẽ thấy được mật độ dân số chủ yếu của từng vùng, dùng bản đồ công nghiệp chung-sẽ thấy được cơ sở hạ tầng của từng vùng.

- Những câu hỏi ***tiềm năng (thế mạnh) của 1 vùng***:

Cần tìm **bản đồ của vùng để xác định giới hạn của vùng đó**, phân tích những khó khăn và thuận lợi của vị trí vùng. Đồng thời biết đối chiếu vùng ở bản đồ nông nghiệp chung với các bản đồ khác nhằm xác định tương đối giới hạn của vùng ở những bản đồ này (vì các bản đồ đó không có giới hạn của từng vùng). Trên cơ sở sử dụng các bản đồ: **Địa hình, Đất-thực vật và động vật, sông ngòi** phân tích **tiềm năng nông nghiệp**; bản đồ **Địa chất-khoáng sản** trong quá trình phân tích **thế mạnh công nghiệp**, phân tích **nguồn lao động** trong quá trình xem xét bản đồ Dân cư và dân tộc.

*5.3. **Lọai bỏ những bản đồ không phù hợp với câu hỏi:***

Ví dụ:

-Đánh giá tiềm năng phát triển cây công nghiệp có thể sử dụng bản đồ: đất, địa hình, khí hậu, dân cư,... nhưng không cần sử dụng bản đồ khoáng sản.

-Đánh giá tiềm năng công nghiệp có thể sử dụng bản đồ khoáng sản nhưng không cần sử dụng bản đồ đất, nhiều khi không sử dụng bản đồ khí hậu...

II.MỘT SỐ BÀI TẬP GỢI Ý

1. Dựa vào Atlat Địa lý VN trang BĐ Nông nghiệp chung, hãy hoàn thành các câu hỏi và bảng sau đây:

a. Các cây chè, cafe, cao su, hồ tiêu trồng ở những vùng nào? Vùng nào có diện tích nhiều nhất?

b. **Bảng 1.**

Tên vùng	Hiện trạng sử dụng đất	Cây trồng	Vật nuôi

2. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Lúa, hãy hoàn thành các bảng sau đây:

Bảng 2

Tên tỉnh	Diện tích lúa	Sản lượng lúa	Năng suất lúa	Các tỉnh có DT & SL lớn

Bảng 3.

Diện tích trồng lúa so với DT trồng cây LT (%)	Tên tỉnh	Nhận xét
< 60		
60 – 70		
71 – 80		
81 – 90		
> 90		

3. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Lâm nghiệp & Thủy sản, hãy trả lời các câu hỏi & hoàn thành bảng sau đây:

a. Tỉ lệ diện tích rừng (so với diện tích toàn tỉnh) của tỉnh nào nhiều nhất? Số lượng bao nhiêu?

b. Nêu nhận xét chung về tỉ lệ diện tích rừng của nước ta?

c. Rừng ngập mặn & rừng đặc dụng ở nước ta phân bố ở những tỉnh nào? Kể tên các vườn quốc gia nổi tiếng?

d. Kể tên các ngư trường, các tỉnh trọng điểm nghề cá ở nước ta ?

e. Vì sao ngành nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh ĐBSCL lại phát triển hơn các tỉnh khác trong cả nước?

f. Bảng 4.

Tỉ lệ diện tích rừng so với DT toàn tỉnh (%)	Phân bố (tên tỉnh, thành)	Nhận xét
< 10		
10 – 25		
26 – 50		
> 50		

Bảng 5.

SL thủy sản đánh bắt & nuôi trồng	Phân bố (tên tỉnh, thành)	Nhận xét

4.Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Công nghiệp chung, hãy trả lời các câu hỏi & hoàn thành bảng sau đây:

a. Nêu các TTCN tiêu biểu trong các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta? Vai trò ? Ý nghĩa ?

b. Phân tích mối quan hệ giữa các TTCN của nước ta? Mối quan hệ giữa các TTCN với điểm công nghiệp ? Cho ví dụ cụ thể ?

Bảng 6.

Các TT, điểm công nghiệp (nghìn tỷ đồng)	Phân bố (tên tỉnh, thành)	TTCN nằm trong vùng KT trọng điểm
> 50		
10 – 50		
3 – 9,9		
1 – 2,9		
< 1		

5. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Công nghiệp Năng lượng, hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

a. Kể tên các nhà máy nhiệt điện trên 1000 MW, dưới 1000 MW?

b. Thủy điện: Tên nhà máy thủy điện đã và đang xây dựng, tên sông, công suất

c. Qua các biểu đồ: SL dầu thô, than sạch, điện, nhận xét về sự phát triển ngành năng lượng VN.

6. Dựa vào Atlat Địa lý VN trang BĐ Giao thông, hãy hoàn thành bảng sau đây:

Bảng 7

Tuyến – điểm.	Đi từ . . . đến . . . (trong nước)	Đi từ . . . đến . . (nước ngoài)
Sân bay Nội Bài		
Sân bay Tân Sơn Nhất		
Sân Bay Đà Nẵng		
Cảng Hải Phòng		
Cảng Đà Nẵng		
Cảng Sài Gòn		
Tuyến đường ôtô & đường sắt Bắc Nam		
Tuyến đường ôtô & đường sắt Tây Đông		

7. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Thương Mại, trả lời các câu hỏi sau:

a. Xác định tổng mức bán lẻ hàng hóa và kinh doanh DV các tỉnh tính theo đầu người.

b. Phân tích cơ cấu hàng XNK? Hàng CN nặng & khoáng sản XK chiếm tỉ lệ cao hơn có ý nghĩa gì ?

8. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Du lịch, trả lời các câu hỏi sau:

a. Xác định các TT du lịch quốc gia? Các TT du lịch vùng?

b. Kết hợp với kiến thức địa lý, giải thích được:

+Tại sao thời kỳ 1996-1998 số lượng khách nội địa & quốc tế đều tăng nhưng doanh thu lại giảm.

+Cơ cấu mỗi loại khách du lịch quốc tế năm 1996-2000 tăng hay giảm?…

9. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Vùng trung du & MN Bắc bộ, vùng ĐBSH (Kinh tế) hoàn thành bảng sau:

a. Bảng 8

Đối tượng CN	Phân bố (tên TP,TX, nơi khai thác nguyên nhiên liệu)	Nơi chế biến
TTCN,TT KT vùng		
Nhiệt điện, thủy điện		
LK đen		

LK màu		
CN hóa chất		
Vật liệu xây dựng		

b. Nhận xét về GDP của ĐBSH so với cả nước? Tính xem ĐBSH chiếm bao nhiêu tỉ đồng trong GDP cả nước? Đứng thứ mấy trong cả nước?

c. Đọc tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không từ Hà Nội đi các nơi trong & ngoài nước.

9. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Vùng Bắc Trung bộ (Kinh tế) hoàn thành bảng sau:

Bảng 9

Đối tượng công nghiệp	**Phân bố (tên TP, TX, nơi khai thác)**	**Nơi chế biến**
TTCN, TT KT vùng		
Các ngành công nghiệp		

So sánh GDP của vùng BTB với cả nước? Tính xem BTB chiếm bao nhiêu tỷ đồng trong GDP cả nước? So với ĐBSH, GDP của BTB cao hay thấp hơn? Hơn kém bao nhiêu?

10. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Vùng Duyên hải NTB & Tây Nguyên (Kinh tế) hoàn thành bảng sau:

Bảng 10

Đối tượng nông nghiệp	**Phân bố (tên vùng,tỉnh)**	**Nhận xét**
Lúa		
Ngô		
Mía		
Càphê		
Hồ tiêu		
Cao su		
Bông		
Dừa		
Trâu		
Bò		
Vùng trồng cây LTTP và cây Cn hàng năm		
Vùng trồng cây công nghiệp lâu năm		
Rừng giàu & trung bình		
Vùng nông lâm kết hợp		
Mặt nước nuôi trồng thủy sản		
Vùng đánh bắt hải sản		

10. Dựa vào Atalat Địa lý VN trang BĐ Vùng ĐNB & ĐBSCL (Kinh tế) hoàn thành bảng sau:

Bảng 11. So sánh về sản xuất lương thực của 2 ĐBSH & ĐBSCL:

	Toàn quốc		ĐBSH		ĐBSCL	
	1994	**2004**	**1994**	**2004**	**1994**	**2004**
DT cây LT (ha)						
Trong đó lúa						
SL LT quy thóc (tấn)						
Trong đó lúa						

a. Các TTCN: TP.HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu gồm có các ngành CN nào? So với các TTCN của các vùng khác nhiều hơn hay ít hơn ngành nào? Vì sao?

b. So sánh diện tích cây công nghiệp của ĐNB với các vùng khác, diện tích cây công nghiệp vùng nào lớn nhất? Vì sao?

c. Đọc tên các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không từ TP.HCM đi các tỉnh trong nước & đi nước ngoài.

d. So sánh GDP của ĐNB với GDP cả nước? Tính xem ĐNB chiếm bao nhiêu tỉ đồng trong GDP cả nước? Đứng hàng thứ mấy so với các vùng khác?

III. MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI TRÊN CƠ SỞ DÙNG ÁTLÁT

A. Câu hỏi:

Câu 1.

a. Hãy phân tích thế mạnh và hạn chế trong việc phát triển công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ.

b. Hãy trình bày và phân tích trung tâm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 2. Trình bày về những điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp ở nước ta. Hãy cho biết từng vùng ở nước ta trồng chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm như: cà phê, chè, cao su, dừa, hồ tiêu.

Câu 3. Từ Hà Nội hoạt động công nghiệp tỏa theo những hướng chính nào? Hãy cho biết từng hướng có những trung tâm công nghiệp nào và hướng chuyên môn hoá của từng cụm.

Câu 4. Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam, hãy nhận xét sự phân bố ngành chăn nuôi ở các vùng. Nêu một số xu hướng mới trong sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi.

Câu 5. Kể tên các ngành kinh tế ở vùng Đông Nam Bộ ? Ngành trồng trọt phát triển mạnh những cây gì ? Những loại cây này được phát triển chủ yếu trên loại địa hình nào và loại đất nào ?

Câu 6. Hãy trình bày nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta:

-Khoáng sản: năng lượng ?

-Các khoáng sản: kim loại ?

-Các khoáng sản: phi kim loại ?

-Các khoáng sản: vật liệu xây dựng ?

Câu 7. Trình bày thế mạnh sản xuất cây lương thực của:

-Các vùng đồng bằng

-Các vùng trung du-miền núi.

Câu 8. Hãy trình bày và phân tích những thế mạnh và hạn chế trong việc khai thác tài nguyên khoáng sản và thuỷ điện ở Trung du-miền núi Bắc Bộ.

Câu 9. Trình bày và giải thích sự phân bố những cây công nghiệp dài ngày chủ yếu ở Trung du-miền núi Bắc Bộ.

Câu 10. Đất đai và khí hậu Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì trong quá trình phát triển cây công nghiệp dài ngày ?

Câu 11. Dựa vào Atlas hãy nhận xét về tình hình phân bố dân cư ở đồng bằng sông Hồng và giải thích.

Câu 12. Dựa vào Atlas hãy nêu tình hình phát triển thuỷ sản ở duyên hải Nam Trung Bộ. Vì sao sản lượng thuỷ sản của Nam Trung Bộ lại nhiều hơn Bắc Trung Bộ.

Câu 13. Dựa vào Atlas, hãy nhận xét diện tích và sản lượng cây lương thực nước ta từ năm 1990 đến năm 2000.

Câu 14. Dựa vào Atlas hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành điện lực ở nước ta.

Câu 15. Dựa vào Atlas, hãy đánh giá tình hình phát triển ngành du lịch nước ta. Những tiềm năng phát triển ngành du lịch ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

B. Gợi ý trả lời:

Câu 1.

a.Thế mạnh và hạn chế:

-Dùng bản đồ NN để:

+Xác định vị trí, giới hạn của vùng, đánh giá vị trí vùng.

+Đối chiếu bản đồ NN chung với các bản đồ cần sử dụng khác, để xác định tương đối ranh giới của vùng.

-Sử dụng bản đồ Đông Nam Bộ để xác định tiềm năng của vùng:

+ Tự nhiên: Các mỏ dầu....Rừng ở phía Tây Bắc của vùng.

+ KT-XH: Nhiều TTCN lớn, đặc biệt thành phố Hồ Chí Minh, nên có nhiều lao động lành nghề, có trình độ kỹ thuật cao. Vùng còn là vùng chuyên canh cây công nghiệp và cây ăn quả lớn tạo điều kiện thúc đẩy công nghiệp chế biến.Cơ sở hạ tầng thuận lợi. Hệ thống cơ sở vật chất tốt. Đầu mối giao thông trong và ngoài nước. Thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước.

(Có thể kết hợp nhiều bản đồ có liên quan).

b.Trung tâm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh:

* Dựa vào bản đồ, để nêu:

-Vị trí đầu mối GTVT trong và ngoài nước.

-Là TTCN lớn nhất nước

-Trung tâm có nhiều ngành CN quan trọng: luyện kim, cơ khí, hoá chất, dệt-may, thực phẩm...

Câu 2.

a. Thuận lợi:

* Tự nhiên: Cần sử dụng các bản đồ sau:

-Bản đồ khí hậu, để nêu đặc điểm khí hậu từng vùng.

-Bản đồ Đất-thực vật-động vật, để nêu đặc điểm đất từng vùng.

* KT-XH:

Tương tự sử dụng các bản đồ có liên quan đến kinh tế-xã hội

b. Các vùng trồng cây công nghiệp lâu năm:

* Sử dụng bản đồ NN sẽ thấy được cây công nghiệp lâu năm yếu của từng vùng như sau:

-Trung du-miền núi Bắc Bộ: chè.

-Tây Nguyên: cà phê, cao su, chè, hồ tiêu.

-Đông Nam Bộ: cao su.

* Sử dụng bản đồ các vùng kinh tế, để thấy được các cây công nghiệp lâu năm khác...

Câu 3.

* Có thể sử dụng bản đồ công nghiệp chung, để thấy từ Hà Nội hoạt động công nghiệp tỏa ra các hướng chuyên môn hoá sau:

-Phía Đông: Hải Phòng, Hạ Long, Cẩm Phả với các ngành chuyên môn hoá: cơ khí, khai thác than.

-Phía Đông Bắc: Đáp Cầu-Bắc Giang: chuyên môn hoá: phân hoá học.

-Phía Bắc: Đông Anh-Thái Nguyên: chuyên môn hoá: luyện kim, cơ khí.

-Phía Tây Bắc: Việt Trì, Lâm Thao, Phú Thọ: chuyên môn hoá: hoá chất, chế biến gỗ.

-Phía Tây: Hà Đông-Hoà Bình-Sơn La: chuyên môn hoá: thuỷ điện.

-Phía Nam: Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá: dệt, vật liệu xây dựng.

Câu 4.

* Có thể sử dụng bản đồ NN, hoặc bản đồ từng vùng để thấy phân bố:

-Gia súc

-Gia cầm

Câu 5.

-Kể tên các ngành kinh tế ở vùng Đông Nam Bộ có thể sử dụng bản đồ vùng.

-Ngành trồng trọt phát triển mạnh những cây gì ?

* Dùng bản đồ NN chung, hoặc bản đồ vùng

-Những loại cây này được phát triển chủ yếu trên loại địa hình nào và loại đất nào ?

* Sử dụng bản đồ địa hình và bản đồ đất để nêu.

Câu 6.

* Để trình bày nguồn tài nguyên khoáng sản ở nước ta, có thể sử dụng bản đồ địa chất-khoáng sản hoặc kết hợp bản đồ các vùng, lần lượt kể từng loại khoáng sản:

-Khoáng sản: năng lượng

-Các khoáng sản: kim loại

-Các khoáng sản: phi kim loại

-Các khoáng sản: vật liệu xây dựng

Câu 7.

Trình bày thế mạnh sản xuất cây lương thực của:

-Các vùng đồng bằng

-Các vùng trung du-miền núi.

* Cần sử dụng các bản đồ sau:

-Tự nhiên: Bản đồ về các nhân tố tự nhiên: đất, sông ngòi, khí hậu

-KT-XH: Bản đồ liên quan đến nhân tố kinh tế-xã hội

Câu 8.

*Để trình bày và phân tích những thế mạnh và hạn chế trong việc khai thác tài nguyên khoáng sản và thuỷ điện ở Trung du-miền núi Bắc Bộ, có thể sử dụng các trang bản đồ về vùng, về khoáng sản, về công nghiệp năng lượng, bản đồ địa hình.

Câu 9.

*Trình bày sự phân bố những cây công nghiệp dài ngày chủ yếu ở Trung du-miền núi Bắc Bộ, cần sử dụng các trang bản đồ về tự nhiên (đất-khí hậu-cây công nghiệp)

Câu 10.

*Đất đai và khí hậu Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn trong phát triển cây công nghiệp dài ngày: cần sử dụng các trang bản đồ về tự nhiên (đất-khí hậu-cây công nghiệp), các trang về nhân tố kt-xh.

11 CÂU HỎI THỰC HÀNH SỬ DỤNG ÁTLÁT ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Câu 1: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày và nhận xét về sự phân bố các mỏ dầu, khí ở vùng thềm lục địa nước ta.

Câu 2: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm phân bố dân cư nước ta. Giải thích nguyên nhân . Vì sao nước ta phải thực hiện phân bố lại dân cư trên phạm vi cả nước ?

Câu 3: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, nhận xét sự phân bố các đô thị có quy mô từ 100.000 người trở lên ở nước ta, nguyên nhân? Kể tên 5 thành phố trực thuộc trung ương, tên các đô thị có quy mô dân số từ 100.000 đến 200.000 người

Câu 4: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, hãy nhận xét tình hình sãn xuất và phân bố cây lúa ở nước ta. Giải thích nguyên nhân làm cho sản lượng lúa ở nước ta tăng nhanh.

Câu 5: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày thực trạng phát triển và phân bố một số cây công nghiệp lâu năm (cà phê, chè, cao su, điều) ở nước ta, giải thích nguyên nhân.

Câu 6: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, phân tích những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên để phát triển ngành thủy sản ở nước ta.

Câu 7: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày tình hình khai thác-chế biến lâm sản và trồng rừng ở nước ta

Câu 8: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày một số đặc điểm chủ yếu của vùng nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, trình bày sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp của nước ta. Tại sao có sự phân hóa đó?

Câu 10: Dựa vào Atlat Địa lý VN và kiến thức đã học, hãy nhận xét tình hình phát triển ngành công nghiệp điện lực và giải thích sự phân bố các nhà máy nhiệt điện ở nước ta.

Câu 11: Dựa vào Atlat Địa lý VN, hãy xác định một số trung tâm công nghiệp lớn trên bản đồ công nghiệp chung. Tại sao TP Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta?